

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HS-ST

Ngày 01 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Bích Nga

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nhài

Ông Lò Văn Sung

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Lực – Thư ký Toà án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Lệ Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 01/3/2024 tại trụ sở điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân thành phố L và điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an thành phố L xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn K**; Tên gọi khác: không có; sinh năm 1976 tại tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản Thành Công, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn Đ, đã chết và bà Nguyễn Thị Đ, đã chết; Có vợ là Su Thị H, sinh năm 1989; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Bị cáo có 08 anh, chị em, bị cáo là con thứ tám trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: không; Nhân thân: Bản án số 71/2004/HSST ngày 29/9/2004, Nguyễn Văn K bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 24 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; Bản án số 39/2007/HSST ngày 11/8/2007, Nguyễn Văn K bị Tòa án nhân dân thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và buộc phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Nguyễn Văn K đã chấp hành xong án phạt tù và các quyết định khác của bản án, hiện đã được xóa án tích; Bản án số 53/2009/HSST ngày 16/7/2009, Nguyễn Văn K bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”, tính đến lần phạm tội ngày 06/7/2023, bị cáo K đã được xóa án tích;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L (có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Văn T**; Tên gọi khác: Không có; Sinh năm 1978 tại tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản C, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 03/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Giáy; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn

giáo: không; Con ông Trần Văn C, đã chết và Lò Chin M, sinh năm 1945; Có vợ là Vàng Thị C, sinh năm 1978; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 1998; Bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Anh Lèng Văn D, sinh năm 1992; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu, (vắng mặt);

+ Ông Mào Văn Ph, sinh năm 1974; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: B, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu, (vắng mặt);

+ Anh Hàng A M, sinh năm 1993; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Bản C, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu, (vắng mặt);

+ Ông Thảo Văn L, sinh năm 1981; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Bản L, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 06/7/2023, Nguyễn Văn K đang ở nhà một mình tại bản Thành Công, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu thì Trần Văn T, sinh năm 1978, trú tại bản C, xã S đến nhà K hỏi mua Heroine để sử dụng. K không có Heroine để bán cho T, nhưng do bản thân cũng nghiện ma túy nên khi T nhờ K đi mua hộ 100.000 đồng Heroine thì K đồng ý đi mua hộ để được cùng sử dụng Heroine. K chuẩn bị đi tìm mua Heroine hộ T thì có Lèng Văn D, sinh năm 1992, trú tại B, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu và Mào Văn Ph, sinh năm 1974, trú tại bản B, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu đến nhà K. D hỏi K có Heroine bán không, K trả lời không có. Sau đó D cũng nhờ K mua hộ 100.000 đồng Heroine, K đồng ý. K cắt 200.000 đồng của T và D vào trong túi quần rồi tự ý lấy xe máy của T đi đến bản Chin Chu Chải, xã S, thành phố L để tìm mua Heroine. Còn T, D và Ph ngồi chờ tại nhà K. Khi K đi đến bản Chin Chu Chải, xã S thì gặp một người đàn ông tên Giàng, khoảng 20 tuổi (*K chỉ biết tên, không rõ lai lịch cụ thể*) và K đã nhờ Giàng mua hộ Heroine, Giàng đồng ý. Giàng nhận 200.000 đồng của K rồi bỏ đi khoảng 10 phút thì quay lại đưa cho K 01 gói Heroine được gói bên ngoài bằng mảnh nilon màu hồng. Mua được Heroine, K cầm trên tay trái và điều khiển xe máy đi về nhà K. Về đến nhà, K đi vào bàn ăn trong bếp, nơi T, D và Ph đang ngồi rồi lấy gói Heroine vừa mua được ra chia thành 02 gói nhỏ. K lấy tự ý lấy 01 gói, còn 01 gói K chia thành 02 gói nhỏ và gói mỗi gói bằng 01 mảnh nilon màu hồng, sau đó K đưa cho T, D mỗi người 01 gói (*mặc dù không thỏa thuận trước nhưng D và T đều đồng ý với việc K chia Heroine và lấy 01 gói*). Nhận được Heroine, T và D xin phép K cho sử dụng Heroine tại nhà K thì K đồng ý, còn K cầm Heroine đi vào nhà tắm của gia đình để sử dụng. Tại bếp nhà K, D

và T lấy giấy bạc trong bao thuốc lá Thăng Long và lấy bật lửa có sẵn trên bàn rồi sử dụng Heroine bằng hình thức hút. D cho toàn bộ số Heroine vào giấy bạc để sử dụng còn T chỉ sử dụng một phần Heroine, một phần T gói lại bằng mảnh nilon màu hồng và cất vào trong túi quần bên phải đang mặc trên người. Khi thấy D sử dụng ma túy xong, bỏ giấy bạc xuống bàn thì Mào Văn Ph tự ý cầm lấy mảnh giấy bạc D vừa sử dụng xong và dùng bật lửa tiếp tục đốt để sử dụng (*K không biết Ph sử dụng ma túy tại bếp nhà K*).

Sau khi sử dụng Heroine xong, K vừa đi ra khỏi nhà tắm thì có Thảo Văn L, sinh năm 1981, trú tại bản Lùng Than, xã S, thành phố L và Hàng A M, sinh năm 1993, trú tại bản Cù Nhà La, xã Sùng Phài, thành phố L đến nhà K. M hỏi mua ma túy với K nhưng K trả lời “không có” rồi đi ra vườn xách nước cho bò uống. L và M tiếp tục đi vào trong bếp nhà K thì thấy T, D và Ph đang ngồi tại bếp, trên bàn có giấy bạc và bật lửa của các đối tượng vừa sử dụng Heroine. M hỏi mua Heroine với T, D và Ph thì T đã lấy số Heroine còn lại do K mua hộ bán cho M với giá 100.000 đồng. Mua được Heroine, M tự ý lấy giấy bạc trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long và bật lửa có sẵn trên bàn rồi sử dụng hết. L không có tiền để mua Heroine nhưng thấy mảnh giấy bạc T vừa sử dụng xong để trên bàn cũng tự ý lấy bật lửa có sẵn trên bàn tiếp tục đốt lên để sử dụng. Việc T bán Heroine cho M và việc M, L sử dụng Heroine tại bếp nhà K thì K không biết.

Hồi 13 giờ 00 phút cùng ngày 06/7/2023, khi Trần Văn T, Lèng Văn D, Mào Văn Ph, Hàng A M và Thảo Văn L vừa sử dụng xong ma túy tại bếp nhà K thì bị Tổ công tác Công an tỉnh Lai Châu phối hợp với Công an thành phố L phát hiện, bắt quả tang đối với Nguyễn Văn K về hành vi “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” và thu giữ đầy đủ các vật chứng có liên quan.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn K, Hàng A M, Lèng Văn D, Mào Văn Ph, Thảo Văn L, ngày 07/7/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành bắt khẩn cấp Trần Văn T về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi bán trái phép chất ma túy của mình cho Hàng A M, lời khai nhận của T phù hợp với lời khai của M, D, L, Ph và T tự giác giao nộp số tiền 100.000 đồng mà T đã bán Heroine cho M.

Kết luận giám định số 871/KL-KTHS ngày 10/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng có mã số ký hiệu là TL18432295 gửi đến giám định là tiền thật (*bút lục 78*).

*** Tại phiên tòa:**

- Người làm chứng Lèng Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, Lèng Văn D trình bày: Việc anh nhờ Nguyễn Văn K đi mua ma túy hộ không có thỏa thuận, bàn bạc gì, với lý do cùng là người nghiện ma túy nên anh K đi mua ma túy hộ. Sau khi có được ma túy, anh và T xin phép K cho sử dụng Heroine tại bếp nhà K thì K đồng ý. Sau đó Hàng A M đến hỏi mua ma túy với anh, T và Ph thì anh có nhìn thấy anh T lấy Heroine ra bán cho M 01 gói được gói bên ngoài bằng nilon màu hồng với giá 100.000 đồng. M tự ý lấy giấy bạc trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long và bật lửa có sẵn trên bàn rồi sử dụng hết ma túy, lúc này anh K không có mặt ở trong nhà

nên không biết việc mua bán ma túy giữa anh T với anh M và cũng không biết việc anh Ph, M, L sử dụng ma túy trong bếp nhà anh K.

- Người làm chứng ông Mào Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra Mào Văn Ph trình bày: ông và Lèng Văn D đến nhà K, D hỏi mua ma túy với K để sử dụng. K không có ma túy nên D nhờ K đi mua hộ 100.000 đồng Heroine. Ông chứng kiến việc K đưa Heroine cho T, D và thấy anh D cùng anh T xin phép anh K cho sử dụng Heroine tại nhà K thì K đồng ý. Khi thấy D sử dụng ma túy xong, bỏ giấy bạc xuống bàn thì ông tự ý cầm lấy mảnh giấy bạc D vừa sử dụng xong và dùng bật lửa tiếp tục đốt để sử dụng, việc ông sử dụng Heroine tại bếp nhà K thì anh K không biết. Ông cũng chứng kiến việc anh T bán 01 gói Heroine gói bên ngoài bằng nilon màu hồng cho anh M với giá 100.000 đồng.

- Người làm chứng anh Hàng A M vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra Hàng A M trình bày: Anh đến nhà K hỏi anh K có con bò con bán không và hỏi có Heroine bán không thì K trả lời không có rồi anh K đi ra ngoài. Anh đi xuống bếp nhà K thì thấy có T, D, Ph đang sử dụng ma túy tại bàn ăn trong bếp nhà K. Anh hỏi T, D, Ph có Heroine bán không, T nói có Heroine và T bán cho anh 01 gói Heroine được gói bên ngoài bằng nilon màu hồng với giá 100.000 đồng dưới sự chứng kiến của D, Ph, L. Sau đó anh không xin phép ai để sử dụng ma túy mà tự ý lấy giấy bạc trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long và bật lửa có sẵn trên bàn nhà K rồi sử dụng hết Heroine đã mua của T.

- Người làm chứng ông Thảo Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra Thảo Văn L trình bày: Ông đến nhà K hỏi về việc K cắt cỏ voi trên nương nhà ông mà không xin phép. Khi đó thấy có anh Hàng A M đến rồi ông và M đi xuống bếp nhà K còn K đi ra ngoài. Anh chứng kiến việc M có hỏi T, D, Ph có Heroine bán không thì T nói có và bán cho M 01 gói Heroine được gói bên ngoài bằng nilon màu hồng với giá 100.000 đồng. Anh không có tiền để mua Heroine nhưng thấy mảnh giấy bạc T vừa sử dụng xong để trên bàn nên cũng tự ý lấy bật lửa có sẵn trên bàn tiếp tục đốt lên để sử dụng. Việc T bán Heroine cho M và việc M, L sử dụng Heroine tại bếp nhà K thì K không biết.

Cáo trạng số 02/CT-VKSTP, ngày 29/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu đã truy tố Trần Văn T về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và truy tố Nguyễn Văn K về tội: “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K về tội: “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2023; Áp dụng

khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 02 năm 02 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2023

Hình phạt bổ sung: đề nghị hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 02 mảnh nilon màu hồng, 03 mảnh giấy bạc, 01 bật lửa gas màu đỏ; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Cáo trạng, Kết luận nêu trên.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được mức án nhẹ nhất để các bị cáo được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Vào khoảng hơn 12 giờ ngày 06/7/2023, tại nhà ở của Nguyễn Văn K thuộc bản Thành Công, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu, Nguyễn Văn K đã đồng ý cho Trần Văn T và Lèng Văn D mượn địa điểm thuộc quyền sở hữu của K để T và D sử dụng trái phép chất ma túy. Tại nhà K, Trần Văn T đã thực hiện hành vi bán trái phép 01 gói Heroine được gói ngoài bằng 01 mảnh nilon màu hồng cho Hàng A M với giá 100.000 đồng. Đến 13 giờ cùng ngày thì hành vi “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” của Nguyễn Văn K bị Tổ công tác Công an tỉnh Lai Châu phối hợp với Công an thành phố L phát hiện bắt quả tang. Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn K, Hàng A M, Lèng Văn D, Mào Văn Ph, Thào Văn L, ngày 07/7/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành bắt giữ Trần Văn T về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn K là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo Trần Văn T là nguy

hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn; Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất rất nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo ý thức được điều đó nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định:

- Hành vi của bị cáo Trần Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

Điều 251. Tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

- Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K có đủ yếu tố cấu thành tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

Điều 256. Tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”, quy định:

1. “Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

d) Đối với 02 người trở lên

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tại phiên tòa là có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Trần Văn T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Nguyễn Văn K đã từng bị Tòa án xét xử theo bản án số 71/2004/HSST ngày 29/9/2004, Nguyễn Văn K bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 24 tháng tù về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” tính đến lần phạm tội ngày 06/7/2023 thì bị cáo K đã được xóa án tích; Bản án số 39/2007/HSST ngày 11/8/2007, Nguyễn Văn K bị Tòa án nhân dân thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và buộc phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Nguyễn Văn K đã chấp hành xong án phạt tù và các quyết định khác của bản án, hiện đã được xóa án tích; Bản án số 53/2009/HSST ngày 16/7/2009, Nguyễn Văn

K bị Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”, tính đến lần phạm tội ngày 06/7/2023 thì bị cáo K đã được xóa án tích;

Đối với việc chấp hành quyết định các bản án nêu trên của Nguyễn Văn K: Tại Bản án số 71/2004/HSST ngày 29/9/2004, Nguyễn Văn K bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 24 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và buộc phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Nguyễn Văn K đã chấp hành xong án phạt tù, đối với phần án phí không có cơ sở để nhận định do quá trình điều tra, xác minh tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T, Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ và Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố L đều không có bất kỳ hồ sơ, tài liệu gì liên quan đến việc thi hành án của Nguyễn Văn K nên K không có lỗi. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 60 BLHS thì thời hiệu thi hành bản án là 05 năm. Tuy nhiên, ngày 15/5/2007 và ngày 04/11/2008, Nguyễn Văn K lại phạm tội mới nên theo quy định tại khoản 4 Điều 60 BLHS thì ngày 05/11/2013 Bản án hết hiệu lực thi hành. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 70 BLHS, tính đến lần phạm tội ngày 06/7/2023 thì K đã được xóa án tích; Bản án số 53/2009/HSST ngày 16/7/2009, Nguyễn Văn K bị Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 09 năm tù về tội “Cướp tài sản” buộc Nguyễn Văn K phải bồi thường cho ông Vui Văn Mảo số tiền 8.000.000 đồng và phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 26/11/2009, Tòa phúc thẩm TANDTC xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc Nguyễn Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Ngày 22/06/2017, Nguyễn Văn K đã chấp hành xong án phạt tù và án phí, chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự của bản án. Theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 60 BLHS thì ngày 27/11/2019 Bản án hết hiệu lực thi hành nhưng ông Vui Văn Mảo không có đơn yêu cầu thi hành án. Do đó, căn cứ điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 70 BLHS, tính đến lần phạm tội ngày 06/7/2023 thì Nguyễn Văn K đã được xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, đồng thời cần có một mức hình phạt phù hợp nhằm tiếp tục răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T và theo quy định tại khoản 3 điều 256 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn K, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo làm ruộng, không có thu nhập ổn định, không có tài sản

riêng có giá trị nên Hội đồng xét xử cần quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 03 phong bì niêm phong đều được làm bằng phong bì công văn của Công an tỉnh Lai Châu, theo hồ sơ bên trong gồm: 02 mảnh nilon màu hồng, 03 mảnh giấy bạc, 01 bật lửa gas màu đỏ. Hội đồng xét xử xét thấy những vật chứng ghi trên là công cụ, phương tiện phạm tội và là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Trần Văn T, xét thấy đây là số tiền bị cáo T thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy cho Hàng A M nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] Các vấn đề khác có liên quan:

Về nguồn gốc số ma túy Nguyễn Văn K mua hộ Trần Văn T và Lèng Văn D là do bị cáo nhờ một người đàn ông tên Giàng, khoảng 20 tuổi gặp tại khu vực bản Chin Chu Chải, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu mua hộ. Kết quả điều tra: K không biết nhân thân, lai lịch của người đàn ông này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, làm rõ.

Việc Trần Văn T bán ma túy cho Hàng A M, thì Nguyễn Văn K không biết nên K không đồng phạm với Trần Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Mào Văn Ph, Hàng A M, Thào Văn L tại nhà của Nguyễn Văn K. Kết quả điều tra xác định Nguyễn Văn K chỉ đồng ý cho Trần Văn T và Lèng Văn D sử dụng Heroine tại nhà K, việc Ph, M và L sử dụng Heroine tại nhà của K thì K không biết. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với K về hành vi “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” đối với Ph, M và L, đồng thời ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ph, M và L về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

Đối với việc Mào Văn Ph, Thào Văn L tự ý lấy giấy bạc của Lèng Văn D và Trần Văn T sau khi D, T đã sử dụng xong Heroine rồi dùng bật lửa đốt lên sử dụng tiếp. Kết quả điều tra xác định Ph, L không có thỏa thuận, trao đổi trước hay hỏi ý kiến của D, T nên D, T không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đối với chiếc xe máy mà Nguyễn Văn K sử dụng đi mua ma túy: Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy là của Trần Văn T, T sử dụng làm phương tiện đến nhà K chơi. Khi K lấy xe của T đi mua ma túy thì T không biết. Việc cơ quan cảnh sát điều tra không tiến hành tạm thu giữ chiếc xe máy, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm

a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

[2] Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2023.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2023.

[3] Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy đối với 02 mảnh nilon màu hồng, 03 mảnh giấy bạc, 01 bật lửa gas màu đỏ trong 03 phong bì niêm phong đều được làm bằng phong bì công văn của Công an tỉnh Lai Châu.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 16 giờ 15 phút ngày 03/01/2024 giữa Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu và Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lai Châu).

4] Về án phí:

- Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an thành phố L;
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Bích Nga